

Vai trò và ý nghĩa việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

06/01/2026 06:46

HOÀNG THUYẾT LINH

Tòa án quân sự Quân khu 7

(LSVN) - Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, các pháp nhân thương mại ngày càng giữ vai trò trung tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và giao dịch quốc tế. Tuy nhiên, cùng với sự mở rộng về quy mô và phạm vi hoạt động, nguy cơ phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực hình sự ngày càng gia tăng về mức độ phức tạp và hậu quả xã hội. Việc xác định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại vì vậy trở thành một yêu cầu tất yếu, nhằm bảo đảm tính răn đe, công bằng và hiệu quả của hệ thống pháp luật hình sự.

Thuật ngữ “trách nhiệm hình sự” hiện nay được tiếp cận dưới nhiều góc nhìn lý luận khác nhau. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định: “Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, thể hiện ở trách nhiệm của người phạm tội trước Nhà nước phải chịu những tác động pháp lý bất lợi do Tòa án áp dụng theo trình tự luật định”.

Kế thừa và khái quát một số quan điểm, có thể hiểu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại là: hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp nhân thương mại phải gánh chịu khi thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ở trách nhiệm của pháp nhân trước Nhà nước và việc phải chịu các biện pháp cưỡng chế hình sự do Tòa án áp dụng theo trình tự luật định.

Khái niệm này phản ánh đầy đủ bản chất của chế định mới trong BLHS 2015: pháp nhân với tư cách là một chủ thể pháp lý độc lập, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chịu hình phạt khi thỏa mãn các điều kiện luật định, qua đó bảo đảm sự công bằng trong xử lý tội phạm và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet.

Ghi nhận trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong tư duy lập pháp hình sự của Việt Nam. Quy định này mang nhiều ý nghĩa sâu sắc trên các phương diện lý luận, pháp lý và thực tiễn, thể hiện sự thích ứng của pháp luật quốc gia với xu thế chung của thế giới về phòng, chống tội phạm do pháp nhân gây ra, cụ thể như sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính đầy đủ và hiệu quả của chính sách hình sự trong bối cảnh tội phạm kinh tế ngày càng phức tạp. Ngày nay, nhiều hành vi phạm tội không còn được thực hiện chủ yếu bởi cá nhân mà do các tổ chức kinh doanh có quy mô lớn, có cơ cấu quản lý phức tạp, có khả năng che giấu chứng cứ và phân tán trách nhiệm. Nếu chỉ truy cứu trách nhiệm cá nhân, việc xử lý có thể không đầy đủ hoặc không hiệu quả, bởi lợi ích của hành vi phạm tội thường thuộc về pháp nhân. Việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân giúp xử lý triệt để nguồn gốc của hành vi, không để pháp nhân “đứng ngoài” trách nhiệm trong khi hưởng lợi.

Thứ hai, nâng cao tính răn đe và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Hình phạt đối với pháp nhân như phạt tiền, đình chỉ hoạt động, cấm kinh doanh, cấm huy động vốn... có tác động trực tiếp đến lợi ích kinh tế - tài chính của tổ chức. Những chế tài này có sức răn đe mạnh hơn rất nhiều so với việc xử lý cá nhân, bởi nguy cơ thiệt hại đối với thương hiệu, uy tín và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thường khiến pháp nhân tự điều chỉnh hành vi một cách nghiêm túc hơn.

Thứ ba, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người tiêu dùng và xã hội. Các vi phạm trong lĩnh vực môi trường, an toàn thực phẩm, thuế, cạnh tranh, chứng khoán... thường gây thiệt hại lớn và ảnh hưởng rộng trên phạm vi xã hội. Khi pháp nhân bị

xử lý hình sự, các biện pháp tư pháp đi kèm như buộc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, thu hồi sản phẩm vi phạm... giúp khôi phục và bảo vệ các lợi ích công cộng một cách hiệu quả hơn.

Thứ tư, tạo sự công bằng và tương thích với pháp luật quốc tế. Nhiều quốc gia đã quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân từ rất sớm, đặc biệt là các nước thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa và Anh, Mỹ. Khi Việt Nam hội nhập sâu rộng trong hoạt động thương mại quốc tế, việc nội luật hóa chế định này giúp hệ thống pháp luật tương thích với thông lệ chung, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác tư pháp quốc tế, dẫn độ, hỗ trợ điều tra... đồng thời tạo môi trường kinh doanh minh bạch, đáng tin cậy đối với nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới. Tiếp theo đó là việc ký kết hàng loạt các Công ước quốc tế, Điều ước quốc tế, trong đó nổi bật nhất là Công ước phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Công ước phòng chống tham nhũng; Công ước phòng chống tra tấn; Công ước phòng chống rửa tiền;... Theo đó, một trong những nội dung mà Việt Nam cam kết thực hiện khi trở thành thành viên của các Công ước quốc tế, Điều ước quốc tế là nội luật hoá. Việc ghi nhận pháp nhân thương mại là chủ thể có thể bị truy cứu TNHS trong BLHS năm 2015 thể hiện việc thực hiện đúng cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ năm, thúc đẩy văn hóa tuân thủ pháp luật và quản trị doanh nghiệp hiện đại. Doanh nghiệp sẽ chủ động xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ, bộ quy tắc đạo đức kinh doanh, quy trình phòng ngừa rủi ro pháp lý nhằm đảm bảo mọi cá nhân trong tổ chức không thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích của pháp nhân. Điều này góp phần hình thành văn hoá kinh doanh bền vững, nâng cao tính trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Như vậy, nghiên cứu về pháp nhân thương mại phạm tội vừa mang ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn trong việc hoàn thiện chính sách hình sự và nâng cao hiệu quả quản lý pháp luật đối với tổ chức kinh doanh tại Việt Nam trong thời kỳ mới.